TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/ HN-ST
Ngày: 26-02-2018
"V/v Ly hôn giữa chị T và anh N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**
2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**
- *Thư ký phiên tòa*: Ông **PHẠM MINH TÂN** - Thư ký tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không có tham gia.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 882/2017/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Ngọc T**, sinh năm 1984.
Địa chỉ: số 133/40B1, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh **Phan Văn N**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Chị T xin vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai chị Ngô Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh N quen biết tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì tiến đến hôn nhân vào ngày 06/6/2006, có đăng ký kết hôn năm 2006. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân anh N sống ở nhà chị gái, còn chị sống với cha mẹ ruột, đến năm 2014 thì anh N về nhà cha mẹ ruột đến nay. Nguyên nhân do anh N không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đi sớm về khuya nhậu nhẹt say xỉn về chửi mắng vợ con còn tham gia cờ bạc.

Con chung: Anh chị có 02 con chung tên Phan Ngọc Th, sinh ngày 03/11/2006 và Phan Ngọc G, sinh ngày 08/8/2013 hiện đang sống cùng chị.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Con chung chị yêu cầu nuôi, không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Phan Văn N dù nhận đầy đủ văn bản tố tụng và được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Ngày 05/01/2018 chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do bận đi làm. Đối với bị đơn anh Phan Văn N dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét vắng mặt các đương sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh N tiến đến hôn nhân năm 2006 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước nhưng sau khi cưới nhau anh chị chỉ chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân từ năm 2007. Trong thời gian ly thân anh chị cũng có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chỉ được thời gian ngắn thì tiếp tục nảy sinh mâu thuẩn, từ năm 2014 đến nay thì không ai qua lại với ai hay tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải giữa 02 bên, anh N dù nhận được giấy triệu tập của Tòa cũng không đến và cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn, phía chị T vẫn kiên quyết ly hôn vì tình cảm không còn. Từ đó chứng tỏ anh chị không thiết tha đoàn tụ với nhau nữa, tình cảm vợ chồng của anh chị không còn, quan hệ hôn nhân thật sự đỗ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Phan Ngọc Th, sinh ngày 03/11/2006 và Phan Ngọc Gi, sinh ngày 08/8/2013 hiện đang sống cùng chị T từ lúc ly thân. Tuy chị T xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử nhưng trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị có nguyện vọng được nuôi con chung khi ly hôn. Đồng thời qua làm việc với cháu Th thì cháu mong muốn sống chung với chị T nếu cha mẹ ly hôn. Xét thấy con chung được chị T nuôi dưỡng từ lúc anh chị ly thân đến nay các cháu vẫn được đi học và phát triển bình thường, anh N không có ý kiến gì về việc chị T nuôi con chung nếu anh chị ly hôn. Do đó để tránh xáo trộn tâm sinh lý của con chung Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao Phan Ngọc Th, sinh ngày 03/11/2006 và Phan Ngọc G, sinh ngày 08/8/2013 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Ngô Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Ngọc T được ly hôn với anh Phan Văn N.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Ngô Thị Ngọc T được quyền nuôi cháu Phan Ngọc Th, sinh ngày 03/11/2006 và Phan Ngọc G, sinh ngày 08/8/2013. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Chị Ngô Thị Ngọc T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07871 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

5. Về thời hạn kháng cáo: Chị T, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN TÚ ANH